

Số: 20 /2010/TT- BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2010

THÔNG TƯ

Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thông tư này không áp dụng đối với xe máy chuyên dùng của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Danh mục xe máy chuyên dùng phải đăng ký

Danh mục xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (sau đây gọi chung là xe máy chuyên dùng) phải đăng ký được quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

Chương II

CẤP ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG LẦN ĐẦU

Điều 4. Hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu

1. Hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu bao gồm:
 - a) Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;
 - b) Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng;
 - c) Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng;
 - d) Chứng từ lệ phí trước bạ.
2. Số lượng hồ sơ phải nộp là 01 (một) bộ.

Điều 5. Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này (bản chính).

Điều 6. Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng

1. Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:
 - a) Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);
 - b) Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
 - c) Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);
 - d) Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu (bản chính);
 - đ) Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

e) Văn bản phát mại theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

g) Lệnh xuất hàng của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp lệnh xuất hàng gồm nhiều xe máy chuyên dùng thì mỗi xe phải có một bản sao có chứng thực.

2. Trường hợp mua bán hoặc cho, tặng qua nhiều người, khi làm thủ tục đăng ký, chỉ cần chứng từ mua bán, cho, tặng lần cuối cùng.

Điều 7. Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng

1. Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính).

2. Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

3. Đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo, ngoài chứng từ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này phải có thêm biên bản nghiệm thu xuất xưởng của cơ sở được phép cải tạo. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có chứng từ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai xoá số đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này (các loại giấy tờ nêu trên là bản chính).

4. Đối với xe máy chuyên dùng không có nguồn gốc hợp pháp đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý phải có quyết định xử lý theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

Điều 8. Chứng từ lệ phí trước bạ

Chứng từ nộp hoặc miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính. Trường hợp nhiều xe chung một chứng từ nộp lệ phí trước bạ thì mỗi xe máy chuyên dùng phải có bản sao có chứng thực.

Điều 9. Trình tự thực hiện thủ tục

1. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng chuẩn bị hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này và nộp trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú.

Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn người nộp hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

b) Viết Giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

3. Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra xe máy chuyên dùng:

a) Địa điểm kiểm tra: theo thoả thuận với chủ sở hữu và đã ghi trong Giấy hẹn. Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động (hoặc quản lý) ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giới thiệu chủ sở hữu liên hệ với Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động (hoặc quản lý) để kiểm tra;

b) Nội dung kiểm tra xe máy chuyên dùng được ghi trong Phiếu kiểm tra theo quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này.

4. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số

Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số cho chủ sở hữu và vào sổ quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương III

CẤP ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Điều 10. Đối tượng

Xe máy chuyên dùng được tạm nhập, tái xuất thuộc các chương trình dự án của nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, các dự án ODA đầu tư tại Việt Nam phải thực hiện đăng ký có thời hạn khi tham gia giao thông đường bộ.

Điều 11. Hồ sơ cấp đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng

Hồ sơ cấp đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng là 01 (một) bộ, bao gồm:

1. Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này (bản chính);

2. Bản sao có chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam;

3. Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 7 của Thông tư này.

4. Chứng từ nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng

Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng tính từ ngày được cấp đăng ký đến hết thời hạn của Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án nước ngoài đầu tư tại Việt Nam.

Điều 13. Trình tự thực hiện, thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng

Trình tự thực hiện và thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

Chương IV

ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ VÀ CẤP ĐĂNG KÝ TẠM THỜI

Điều 14. Đổi đăng ký, biển số

1. Chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng đã cải tạo, thay đổi màu sơn hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số bị hỏng phải làm thủ tục đổi đăng ký, biển số tại Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp theo đúng số đăng ký, biển số đã được cấp.

2. Hồ sơ đổi đăng ký bao gồm:

a) Tờ khai đổi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 của Thông tư này (bản chính);

b) Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản chính);

c) Biển số xe máy chuyên dùng (trường hợp biển số bị hỏng).

Điều 15. Cấp lại đăng ký, biển số

1. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng bị mất Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc biển số phải làm thủ tục cấp lại đăng ký, biển số tại Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp theo đúng số đăng ký, biển số đã được cấp.

2. Hồ sơ cấp lại đăng ký, biển số gồm:

Tờ khai cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 của Thông tư này (bản chính).

Điều 16. Cấp đăng ký tạm thời

1. Đối với xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời. Chủ sở hữu lập “Tờ khai đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng” theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 của Thông tư này và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng chuyển đi để được cấp đăng ký tạm thời.

2. Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 của Thông tư này, có thời hạn 20 ngày kể từ ngày cấp; nếu hết hạn thì được gia hạn một lần không quá 20 ngày.

Điều 17. Trình tự thực hiện và thời hạn cấp đổi, cấp lại, cấp đăng ký tạm thời

1. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng chuẩn bị 01 (một) bộ hồ sơ và nộp tại Sở Giao thông vận tải theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 của Thông tư này.

Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

b) Viết Giấy hẹn trả kết quả theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

3. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp đổi, cấp đăng ký tạm thời cho chủ sở hữu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biên số: Sau 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 15, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biên số cho chủ sở hữu.

Chương V

SANG TÊN, DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Điều 18. Sang tên chủ sở hữu trong cùng một tỉnh, thành phố

Xe máy chuyên dùng được mua bán, cho, tặng, thừa kế trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phải đăng ký sang tên chủ sở hữu theo quy định sau:

1. Hồ sơ đăng ký sang tên chủ sở hữu bao gồm:

a) Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này (bản chính);

b) Một trong các chứng từ theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

c) Chứng từ quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng chuẩn bị 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

3. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện hồ sơ (nếu cần);

b) Viết Giấy hẹn trả kết quả theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này;

c) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo tên của chủ sở hữu mới, giữ nguyên biển số cũ đã cấp; trường hợp không chấp thuận đăng ký sang tên, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19. Sang tên chủ sở hữu ở khác tỉnh, thành phố

Xe máy chuyên dùng mua bán hoặc được cho, tặng, thừa kế khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phải làm thủ tục di chuyển và đăng ký sang tên chủ sở hữu theo quy định sau:

1. Thủ tục di chuyển đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

a) Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng nộp 01 (một) bộ hồ sơ di chuyển đăng ký bao gồm:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 12 của Thông tư này (bản chính);

- Một trong các chứng từ theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

b) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn người nộp hồ sơ di chuyển đăng ký hoàn thiện hồ sơ (nếu cần);

- Viết Giấy hẹn trả kết quả theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 của Thông tư này, thu lại biển số, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, vào sổ quản lý và trả hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký cho chủ sở hữu; trường hợp không cấp Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu tại Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đến.

a) Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký sang tên chủ sở hữu bao gồm:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này (bản chính) ;

- Một trong các chứng từ theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

- Chứng từ quy định tại Điều 8 của Thông tư này;

- Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính) đã được cấp theo quy định tại khoản 1.Điều này kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

b) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

- Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và hướng dẫn người nộp hồ sơ đăng ký hoàn thiện hồ sơ (nếu cần);

- Viết Giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này;

- Kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này;

- Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy

chuyên dùng và vào sổ quản lý; trường hợp không cấp đăng ký, biển số phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Khi nộp hồ sơ, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền của chủ sở hữu có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

Điều 20. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng không thay đổi chủ sở hữu

Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng khi chuyển trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, làm thủ tục di chuyển và đăng ký lại xe máy chuyên dùng theo quy định sau:

1. Thủ tục di chuyển đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư này, nhưng trong hồ sơ không phải nộp một trong các chứng từ theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

2. Thủ tục đăng ký lại tại Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đến: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư này; nhưng chủ sở hữu xe máy chuyên dùng không phải nộp chứng từ quy định tại Điều 8 của Thông tư này và Sở Giao thông vận tải không kiểm tra xe máy chuyên dùng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

Chương VI

MÃ SỐ, GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ BIỂN SỐ ĐĂNG KÝ

Điều 21. Mã số đăng ký

Mã số đăng ký xe máy chuyên dùng của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quy định thống nhất theo mã số đăng ký xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ tại Phụ lục 14 của Thông tư này.

Điều 22. Giấy chứng nhận đăng ký

1. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng quy định tại Phụ lục 15 của Thông tư này.

2. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư này.

Điều 23. Biển số đăng ký

Biển số đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 17 của Thông tư này.

Chương VII

XOÁ SỔ, THU HỒI ĐĂNG KÝ

Điều 24. Xoá sổ đăng ký

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng thanh lý, bị mất, bán ra nước ngoài hoặc tái xuất ra nước ngoài phải làm thủ tục xoá sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký.

2. Chủ sở hữu lập tờ khai xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này và nộp cho Sở Giao thông vận tải kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất).

3. Sở Giao thông vận tải thu lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số; xoá sổ đăng ký và xác nhận vào tờ khai trong thời hạn không quá 02 ngày kể từ ngày nhận tờ khai.

Điều 25. Thu hồi đăng ký, biển số

1. Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã cấp sẽ bị thu hồi khi phát hiện có vi phạm quy định về cấp đăng ký, biển số theo quy định của Thông tư này.

2. Sở Giao thông vận tải có quyết định thu hồi đăng ký, biển số đã cấp, thông báo cho cơ quan có liên quan tại địa phương biết và báo cáo Tổng Cục Đường bộ Việt Nam.

Chương VIII

XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH KHI CẤP ĐĂNG KÝ

Điều 26. Trường hợp đóng mới, đóng lại số động cơ và số khung

1. Khi kiểm tra phát hiện động cơ, khung của xe máy chuyên dùng không có số hoặc số bị mờ, Sở Giao thông vận tải đóng mới, đóng lại số động cơ, số khung và ghi vào Phiếu kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này.

2. Việc đóng mới, đóng lại số động cơ, số khung thực hiện như sau:

a) Đóng mới khi trên hồ sơ và kiểm tra thực tế xe máy chuyên dùng không có số động cơ, số khung theo phương pháp quy định tại Phụ lục 18 của Thông tư này;

b) Đóng lại số động cơ, số khung bị mờ theo đúng số động cơ, số khung trong hồ sơ của xe máy chuyên dùng.

3. Trường hợp bị phát hiện có dấu hiệu tự đóng lại hoặc tẩy xóa số động cơ, số khung thì chủ sở hữu phải đến cơ quan có thẩm quyền để giám định theo quy định của pháp luật. Trường hợp kết quả giám định xác định số khung, số động cơ đã bị đóng lại, tẩy xóa thì sẽ trả lại hồ sơ, chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 27. Xử lý các trường hợp vướng mắc về hồ sơ

1. Trường hợp chủ sở hữu xe máy chuyên dùng không có chứng từ nguồn gốc theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này hoặc mất toàn bộ hồ sơ di chuyển:

a) Chủ sở hữu lập bản cam đoan theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương trong 7 ngày mỗi ngày 01 lần theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 của Thông tư này;

b) Sau 07 ngày kể từ ngày thông báo công khai lần cuối, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải làm thủ tục cấp đăng ký cho chủ sở hữu. Trường hợp mất do thiên tai, hỏa hoạn có giấy xác nhận của chính quyền địa phương thì không phải thực hiện thông báo công khai;

2. Trường hợp chủ sở hữu xe máy chuyên dùng mất một trong số giấy tờ đã kê trong Phiếu di chuyển của hồ sơ di chuyển:

a) Chủ sở hữu lập bản cam đoan theo mẫu quy định tại Phụ lục 19 của Thông tư này;

b) Sau 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải làm thủ tục cấp đăng ký cho chủ sở hữu.

3. Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng nêu tại khoản 1 Điều này không được bán, cầm cố, thế chấp xe máy chuyên dùng này trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.

Điều 28. Xử lý trường hợp phát sinh khi di chuyển, sang tên đăng ký

1. Đối với xe máy chuyên dùng đã di chuyển đăng ký, nhưng chủ sở hữu chưa làm thủ tục đăng ký tại nơi đến đã bán tiếp cho người khác, Sở Giao thông vận tải nơi người mua, tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục cấp đăng ký theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này.

2. Sau khi cấp đăng ký, Sở Giao thông vận tải nơi cấp đăng ký gửi thông báo đến Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đi để điều chỉnh trong sổ quản lý đăng ký.

Chương IX

QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM

Điều 29. Tổng Cục Đường bộ Việt Nam

1. Thống nhất quản lý công tác cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng trong phạm vi toàn quốc.
2. Quản lý việc phát hành phôi giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số và bộ đóng số động cơ, số khung xe máy chuyên dùng.
3. Kiểm tra các Sở Giao thông vận tải thực hiện các quy định của Thông tư này.

Điều 30. Sở Giao thông vận tải

1. Tổ chức thực hiện việc cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo quy định của Thông tư này tại địa phương.
2. Quản lý hồ sơ đăng ký:
 - a) Lưu và quản lý hồ sơ đăng ký gồm hồ sơ cấp đăng ký lần đầu, cấp đăng ký có thời hạn, cấp đổi, cấp lại, cấp đăng ký tạm thời; sang tên, di chuyển đăng ký; xoá sổ, thu hồi đăng ký, biển số và các loại giấy tờ khác có liên quan đến việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số;
 - b) Các trường hợp mất hoặc có sự gian lận trong quản lý hồ sơ lưu tại Sở Giao thông vận tải sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;
 - c) Sổ quản lý cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này.
3. Thu, nộp và sử dụng các khoản phí, lệ phí về cấp đăng ký xe máy chuyên dùng theo quy định của Bộ Tài chính.
4. Báo cáo Tổng Cục Đường bộ Việt Nam về nhu cầu phôi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số theo mẫu quy định tại Phụ lục 21 của Thông tư này.
5. Tháng 01 hàng năm, báo cáo công tác cấp đăng ký, biển số theo mẫu quy định tại Phụ lục 22 của Thông tư này về Tổng Cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

Chương X

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Thông tư số 24/2009/TT - BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

2. Xe máy chuyên dùng đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vẫn được tiếp tục sử dụng tham gia giao thông đường bộ.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 32;
- Văn phòng Chính phủ (đề b/c);
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Tổ CCTHC của Thủ tướng Chính phủ ;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website Chính phủ ;
- Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, PC

BỘ TRƯỞNG



Hộ Nghĩa Dũng

Phụ lục 1

DANH MỤC XE MÁY CHUYÊN DỤNG CÓ THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ PHẢI ĐĂNG KÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

1. Xe máy thi công

1.1. Máy làm đất:

- a) Máy đào:
 - Máy đào bánh lốp,
 - Máy đào bánh xích,
 - Máy đào bánh hỗn hợp;
- b) Máy ủi:
 - Máy ủi bánh lốp,
 - Máy ủi bánh xích,
 - Máy ủi bánh hỗn hợp;
- c) Máy cạp;
- d) Máy san;
- đ) Máy lu:
 - Máy lu bánh lốp,
 - Máy lu bánh thép,
 - Máy lu bánh hỗn hợp.

1.2. Máy thi công mặt đường:

- a) Máy rải vật liệu;
- b) Máy thi công mặt đường cấp phối;
- c) Máy thi công mặt đường bê tông xi măng;
- d) Máy trộn bê tông át phan;
- đ) Máy tưới nhựa đường;
- e) Máy vệ sinh mặt đường;
- g) Máy duy tu sửa chữa đường bộ.

1.3. Máy thi công nền móng công trình:

- a) Máy đóng cọc;
- b) Máy khoan.

1.4. Các loại máy đặt ống.

1.5. Các loại máy nghiền, sàng đá.

1.6. Các loại máy thi công tự hành khác.

2. Xe máy xếp dỡ

2.1. Máy xúc:

- a) Máy xúc bánh lốp;
- b) Máy xúc bánh xích;
- c) Máy xúc bánh hỗn hợp;
- d) Máy xúc ủi.

2.2. Các loại xe máy nâng hàng.

2.3. Cần trục:

- a) Cần trục bánh lốp (trừ cần trục lắp trên ô tô sát xi);
- b) Cần trục bánh xích.

2.4. Các loại xe máy xếp dỡ chuyên dùng khác.

3. Máy kéo chuyên dùng nông nghiệp, lâm nghiệp

3.1. Máy kéo chuyên dùng bánh lốp.

3.2. Máy kéo chuyên dùng bánh xích.

Phụ lục 2
MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn:.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất:
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất:.....
Số động cơ:.....Số khung:.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao): Trọng lượng:.....
Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

... , ngày.....tháng..... năm.....
Người khai ký tên

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

** chỉ dán trả số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc
- Số biển số cũ: (nếu có):.....**Biển số đề nghị cấp:**
Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

**Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.*

Phụ lục 3
MẪU GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:..... Số CMND hoặc hộ chiếu:.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
Địa chỉ thường trú..... Số CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp..... Nơi cấp:.....
Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn:.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất:.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất:.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Biện số đăng ký (nếu có):.....Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....
Nơi cấp:.....
Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà).....
Địa chỉ thường trú:.....
Số CMND hoặc hộ chiếu số:.....ngày cấp.....Nơi cấp.....
Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Xác nhận của chính quyền cấp xã
nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú.
(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký
của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người bán, cho, tặng ký tên
(Ghi rõ họ và tên)

**Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

Phụ lục 4
MẪU TỜ KHAI XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
XOÁ SỔ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND, hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:..... Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất.....
Nước sản xuất:..... Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng.....
Hiện đã có giấy chứng nhận đăng ký, biển số là:.....
Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày.....tháng.....năm.....
Lý do xin xoá sổ đăng ký:.....
.....
Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Đề nghị..... xoá sổ đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.
....., ngày.....tháng..... năm.....
Người khai ký

Phản ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số biển số:.....Ngày cấp.....Số đăng ký quản lý.....Ngày xoá sổ:..../..../..
Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày...../...../.....
Lưu hồ sơ xoá sổ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

- Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản: - Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;
- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ xoá sổ 01 bản.

Phụ lục 5

**MẪU GIẤY HẸN TRẢ KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

UBND Tỉnh.....
SỞ GTVT.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY HẸN TRẢ KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Sở Giao thông vận tải..... đã nhận đủ hồ sơ đăng ký (hoặc di chuyển) xe máy chuyên dùng ngày tháng năm....

Hẹn ông (bà):.....

1. Ngày kiểm tra xe máy chuyên dùng (nếu có): thángnăm.....
- Địa điểm kiểm tra xe máy chuyên dùng:.....

2. Ngày trả kết quả: Vào hồi.....giờ, ngày..... tháng.....năm.....
- Địa điểm trả kết quả:.....

Ngày..... tháng..... năm
NGƯỜI VIẾT GIẤY HẸN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 6
MẪU PHIẾU KIỂM TRA XE MÁY CHUYÊN DÙNG.
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT- BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../KTXMCD

PHIẾU KIỂM TRA XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Thành phần kiểm tra, gồm có:

a) Đại diện Sở Giao thông vận tải:

-

Chức vụ:

-

Chức vụ:

b) Chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền:

2. Địa điểm kiểm tra:

3. Kết quả kiểm tra đối chiếu hồ sơ

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....đúng, không đúng:.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suấtđúng, không đúng:.....

Nước sản xuất:.....Năm sản xuất..... đúng, không đúng:.....

Số động cơ:.....Số khung..... đúng, không đúng:.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....đúng, không đúng:.....

Trọng lượng:.....đúng, không đúng:.....

Kết luận kiểm tra:.....

4. Các trường hợp xử lý trong quá trình kiểm tra:

a) Đóng lại số động cơ:.....Số khung:.....

b) Thay đổi màu sơn:.....

c) Thay đổi cải tạo khác:

Chúng tôi thống nhất và chịu trách nhiệm về nội dung kiểm tra trên đây.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Cán bộ kiểm tra
(ký, ghi rõ họ, tên)

Chủ phương tiện
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải nơi được ủy quyền kiểm tra:

Phiếu kiểm tra này được kiểm tra tại.....

Chữ ký của các thành viên trong phiếu kiểm tra là đúng.

ngàytháng....năm:.....

Giám đốc

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu).

* Ghi chú:

1. Phiếu kiểm tra lập thành 02 bản: Lưu hồ sơ đăng ký 01 bản; Chủ sở hữu 01 bản;

2. Khi có thay đổi so với tờ khai, hoặc đóng lại số động cơ, số khung phải ghi rõ, chi tiết vào phần các trường hợp xử lý sau kiểm tra.

3. Trường hợp Phiếu kiểm tra do Sở GTVT được ủy quyền kiểm tra lập, phải lập thành 03 bản và có xác nhận của Sở GTVT được ủy quyền kiểm tra.

Phụ lục 7

**MẪU SỔ QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ BIỂN SỐ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG.**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

1. Trang bìa:

<p>ỦY BAN NHÂN DÂN..... SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....</p> <p>SỔ QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG</p> <p>LOẠI BIỂN SỐ QUẢN LÝ.....</p>
--

* Loại biển số quản lý ghi rõ tên, phân theo loại bánh xe: bánh lốp L, bánh xích X, bánh thép S.
Ví dụ: Loại biển số quản lý.bánh lốp:L.

2. Nội dung

QUẢN LÝ CẤP ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

TT	Tên, đặc điểm XMCD	Số biển số, ngày cấp	Năm và nước sản xuất	Tên chủ sở hữu, địa chỉ	Số động cơ, số khung, kích thước bao (dài x rộng x cao)	Ngày, nơi di chuyển đến, cấp lại,	Ngày xóa sổ đăng ký.	Mất đăng ký, Chứng từ nguồn gốc	Chủ sở hữu (ký)
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1									
2									
...									

Phụ lục 8
MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT- BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THỜI HẠN

Tên chủ sở hữu:.....
 Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....
 Ngày cấp:.....Cơ quan cấp.....
 Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam:.....
 Trụ sở giao dịch:.....
 Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
 Nhân hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
 Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
 Số động cơ:.....Số khung.....
 Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
 Giấy tờ kèm theo, gồm có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
 Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp đăng ký, biển số có thời hạn cho
 chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

..., ngày.....tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

* chỉ dán trả số động cơ của máy chính

(Dán trả số khung)

Biển số đề nghị cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

***Ghi chú:**

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trả số động cơ, số khung.

Phụ lục 9

**MẪU TỜ KHAI ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI
ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số giấy CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải.....
cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng.....năm.....
Biển số đã đăng ký:
Lý do xin đổi, cấp lại:.....

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixét cấp cho chiếc xe máy
chuyên dùng khai trên

...ngày tháng..... năm.....
Người khai ký tên

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

- Cấp theo Số biển số cũ:cấp đổi cấp lại ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở GTVT
(Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú:

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng; Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

Phụ lục 10

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TẠM THỜI
XE MÁY CHUYÊN DÙNG .**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú:.....
Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....
Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....
Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....
Số động cơ:.....Số khung.....
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....
Giấy tờ kèm theo, gồm có:
+.....
+.....
+.....
Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
....., ngày.....tháng.....năm.....
Người khai ký

Phân ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số đăng ký tạm thời:.....
Cấp ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc Sở GTVT
(Ký tên, đóng dấu)

- * Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:
- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;
- Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.

Phụ lục 11

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

- 1. Kích thước:**
- Chiều rộng: 100 mm,
 - Chiều dài: 140 mm,
 - Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

- 2. Bảo mật chống làm giả:** Loại giấy tốt, nền màu vàng nhạt.

Sở GTVT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG	
Số...../XMCD	
Tên chủ sở hữu.....	
Địa chỉ thường trú.....	
Tên xe máy chuyên dùng.....	
Nhãn hiệu (kiểu loại).....màu sơn.....	
Kích thước bao (dài x rộng x cao).....	
..... ngày.....tháng.....năm.....	
Giám đốc Sở GTVT	
Có giá trị đến:.../...../.....	

3. Cách ghi:

3.1. Chữ và số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ 14, không được viết tay.

3.2. Tên của “Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng” viết in hoa, cỡ chữ 14.

3.3. Số thứ tự của Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001. Cỡ số 16 đậm.

3.4. Thời gian hiệu lực là 20 ngày kể từ ngày cấp

Phụ lục 12
MẪU TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Họ và tên đồng sở hữu (nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Hiện đã mua, được cho, tặng hoặc thừa kế chiếc xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....

Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Biển số đăng ký :.....Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....

Nơi cấp.....

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải.....
để được tiếp tục đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai ký tên

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:.....

đến Sở Giao thông vận tải:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Trưởng Phòng duyệt
(ký, ghi rõ họ và tên)

Giám đốc Sở GTVT
(ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản: - 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;
- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.

Phụ lục 13

MẪU PHIẾU DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

(Tên Sở GTVT di chuyển)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /DC - XMCDngày.....tháng.....năm.....

PHIẾU DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....

Địa chỉ thường trú:.....

Họ và tên đồng sở hữu (nếu có):.....Số CMND hoặc hộ chiếu.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Đặc điểm của xe máy chuyên dùng:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....

Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao(dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Biển số đăng ký:.....đã được Sở Giao thông vận tải cấp.....

Ngày/...../.....

Nay di chuyển đến Sở Giao thông vận tải.....

để làm thủ tục cấp đăng ký cho chủ phương tiện.

Các loại giấy tờ kèm theo hồ sơ, bao gồm:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					
...					

Cán bộ làm thủ tục
(ký, ghi rõ họ, tên)

Trưởng phòng duyệt
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

* Phiếu này được lập thành 03 bản:

- Gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam 01 bản;
- Gửi Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đến 01 bản;
- Lưu tại Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đi 01 bản.

Phụ lục 14

MÃ SỐ CẤP ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Mã số cấp đăng ký biển số xe máy chuyên dùng quy định cho các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương tại bảng sau:

TT	Nơi đăng ký	Mã số	TT	Nơi đăng ký	Mã số
1	Cao Bằng	11	32	Đồng Tháp	66
2	Lạng Sơn	12	33	An Giang	67
3	Quảng Ninh	14	34	Kiên Giang	68
4	Hải Phòng	15	35	Cà Mau	69
5	Thái Bình	17	36	Tây Ninh	70
6	Nam Định	18	37	Bến Tre	71
7	Phú Thọ	19	38	Bà Rịa -- Vũng Tàu	72
8	Thái Nguyên	20	39	Quảng Bình	73
9	Yên Bái	21	40	Quảng Trị	74
10	Tuyên Quang	22	41	Thừa Thiên - Huế	75
11	Hà Giang	23	42	Quảng Ngãi	76
12	Lào Cai	24	43	Bình Định	77
13	Sơn La	26	44	Phú Yên	78
14	Lai Châu	25	45	Khánh Hoà	79
15	Hoà Bình	28	46	Gia Lai	81
16	Hà Nội	29	47	Kon Tum	82
17	Hải Dương	34	48	Sóc Trăng	83
18	Ninh Bình	35	49	Trà Vinh	84
19	Thanh Hoá	36	50	Ninh Thuận	85
20	Nghệ An	37	51	Vĩnh Phúc	88
21	Hà Tĩnh	38	52	Hung Yên	89
22	Đà Nẵng	43	53	Hà Nam	90
23	Đắk Lắk	47	54	Quảng Nam	92
24	Lâm Đồng	49	55	Bình Phước	93
25	Tp Hồ Chí Minh	50	56	Bạc Liêu	94
26	Đồng Nai	60	57	Bắc Kạn	97
27	Bình Dương	61	58	Bắc Giang	98
28	Long An	62	59	Bắc Ninh	99
29	Tiền Giang	63	60	Đắk Nông	48
30	Vĩnh Long	64	61	Điện Biên	27
31	Cần Thơ	65	62	Hậu Giang	87
			63	Bình Thuận	86

Phụ lục 15

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG (Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

1. Kích thước:
- Chiều dài: 95 mm,
 - Chiều rộng: 60 mm
 - Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

2. Bảo mật chống làm giả:
- Loại giấy tốt, có hoa văn, nền màu vàng nhạt.

3. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng:

a) Mặt trước:

Tem chống làm giả

BỘ GTVT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
Số	/XMCD
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG	
- Tên chủ sở hữu:.....	
- Tên đồng chủ sở hữu:.....	
- Địa chỉ:.....	
- Tên xe máy chuyên dùng:.....	
Biển số đăng ký:.....	

b) Mặt sau:

ĐẶC ĐIỂM	
Nhãn hiệu:.....	Màu sơn:.....
Nước sản xuất:.....	Số động cơ:.....
Số động cơ:.....	Số khung:.....
Công suất động cơ:.....	Trọng lượng:.....Kg
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....	
Ngày tháng năm	
Sở GTVT:.....	
(ký tên, đóng dấu)	
- Đăng ký lần đầu:	<input type="checkbox"/>
- Sang tên chủ sở hữu:	<input type="checkbox"/>
- Cấp lại đăng ký:	<input type="checkbox"/>
- Mất chứng từ gốc:	<input type="checkbox"/>

4. Cách ghi:

- 4.1. Chữ và số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ phù hợp với dòng để trống. Không được viết tay. Tên của giấy chứng nhận đăng ký viết in hoa, màu đỏ.
- 4.2. Tại ô vuông mặt sau đánh dấu "x" tương ứng với từng mục đã in sẵn.
- 4.3. Số thứ tự đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001.
- 4.4. Mục công suất ghi công suất của động cơ chính theo hồ sơ kỹ thuật.

Phụ lục 16

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN
XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

- 1. Kích thước:**
- Chiều dài: 95 mm;
 - Chiều rộng: 60 mm;
 - Có viền xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

- 2. Bảo mật chống làm giả:**
- Loại giấy tốt, có hoa văn, nền màu vàng nhạt;

3. Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng :

a) Mặt trước:

Tem chống làm giả

Bộ GTVT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
Số	/XMCD
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG	
- Tên chủ sở hữu:.....	
- Địa chỉ:.....	
- Tên xe máy chuyên dùng:.....	
Biển số đăng ký:.....	

b) Mặt sau:

ĐẶC ĐIỂM	
Nhãn hiệu:.....	Màu sơn:.....
Nước sản xuất:.....	
Số động cơ:.....	Số khung:.....
Công suất động cơ:.....cv,	Trọng lượngKg
Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....	
Ngày tháng năm	
Sở GTVT.....	
(ký tên đóng dấu)	
Có giá trị đến:	

4. Cách ghi:

4.1. Chữ và số ghi trong giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng là chữ in, kiểu chữ Unicode, cỡ chữ phù hợp với dòng để trống. Không được viết tay. Tên của giấy chứng nhận đăng ký viết in hoa, màu đỏ.

4.2. Số thứ tự đăng ký xe máy chuyên dùng có 5 chữ số, bắt đầu từ 00001.

4.3. Mục công suất ghi công suất của máy chính theo hồ sơ kỹ thuật.

Phụ lục 17

MẪU BIỂN SỐ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

1. Kích thước biển số

1.1. Biển phía trước: Chiều dài: 470 mm; Chiều cao: 110 mm; Chiều dày: 1 mm.

1.2. Biển phía sau: Chiều dài 280 mm; Chiều cao: 200 mm; Chiều dày 1 mm.

2. Quy cách

a) Vật liệu: làm bằng hợp kim nhôm, chống sự hao mòn kim loại cao và được tráng lớp sơn phản quang màu vàng rơm;

b) Đường viền xung quanh: chữ, số được dập nổi và sơn màu đen;

c) Kích cỡ của chữ và số: - Đường viền xung quanh rộng 5 mm,

- Chiều cao chữ và số 80 mm,

- Chiều rộng của chữ và số 45 mm,

- Chiều rộng nét chữ và số 20 mm,

- Khoảng cách từ mép ngoài biển số đến chữ số đầu tiên và chữ số cuối cùng là 20 mm; khoảng cách giữa chữ và số được chia đều nhau.

3. Nội dung ghi trên biển số:

Biển số đăng ký gồm 8 ký tự được sắp xếp như sau:

a) Ký tự 1 và 2 là mã số đăng ký theo Phụ lục 8 của Thông tư này;

b) Ký tự 3 quy định về loại loại bánh xe di chuyển: S: Bánh thép, bánh hỗn hợp thép và lốp; L: bánh lốp; X: bánh xích, bánh hỗn hợp xích và lốp.

c) Ký tự 4 là một trong những bảng hệ thống chữ cái tiếng Việt sau đây:

A,B,C,D,G,H,K,L,M,N,P,Q,R,S,T,U,V,X;

d) Ký tự: 5,6,7,8 là ký hiệu số của biển số xe máy chuyên dùng từ 0001 trở đi.

4. Bố trí các ký tự trên biển số :

a) Biển phía trước: Các ký tự được bố trí thành một hàng, đầu tiên là các ký tự 1,2,3,4, tiếp theo là ký hiệu chống làm giả, có chiều dài là 15 mm, chiều rộng là 11 mm, tiếp theo là các ký tự 5,6,7,8.

b) Biển phía sau: Các ký tự được bố trí thành 2 hàng. Hàng trên gồm các ký tự 1,2,3,4. Hàng dưới là các ký tự 5,6,7,8.

Sau đây là ví dụ Biển số đăng ký tại Hà Nội:

Biển số phía trước

29LA □ 0001

Biển số phía sau

**29 □ LA
0001**

Phụ lục 18

PHƯƠNG PHÁP ĐÓNG SỐ ĐỘNG CƠ, SỐ KHUNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG (Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

1. Mẫu và chữ số:

1.1. Chữ và số của động cơ:

Chiều ngang 3 mm; Chiều cao 5 mm; nét chữ và số 0,3 mm.

1.2. Chữ và số của khung

Chiều ngang 4 mm; Chiều cao 7 mm; nét chữ và số 1 mm

2. Phương pháp đóng:

2.1. Các ký tự dùng để đóng số động cơ, số khung như sau:

1	2	3	4	5	6	7	8	9
---	---	---	---	---	---	---	---	---

2.2. Phương pháp đóng:

2.2.1. Ký tự **1** và **2** là mã số quy định cấp đăng ký biển số theo quy định tại Phụ lục 14 của Thông tư này;

2.2.2. Ký tự **3** là loại bánh của xe máy chuyên dùng, phân theo:

- Bánh lốp ký hiệu là **L** ;
- Bánh xích và bánh hỗn hợp xích và lốp ký hiệu là **X**;
- Bánh thép và bánh hỗn hợp thép và lốp ký hiệu là **S**.

2.2.3. Ký tự **4** và **5** là biểu thị năm sản xuất hoặc năm đăng ký lần đầu.

Ví dụ: 00 là năm 2000, 01 là năm 2001,09 là năm 2009;

2.2.4. Ký tự **5**, **7**, **8**, **9** là số thứ tự đóng số động cơ và số khung tính từ 0001 trở đi.

Phụ lục 19

MẪU TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG.
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Tên chủ sở hữu:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất.....

Nước sản xuất:..... Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng.....

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:.....

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do.....

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+.....

+.....

+.....

Lý do:.....

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Chủ phương tiện
(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.

Phụ lục 20

**MẪU THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG.**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Tên Sở GTVT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Số CMND hoặc số hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):..... Công suất.....

Nước sản xuất:..... Năm sản xuất.....

Số động cơ:..... Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..... Trọng lượng.....

Nay tôi xin thông báo công khai, nếu ai có tranh chấp quyền sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng nêu trên xin gửi về Sở Giao thông vận tải.....

Sau 7 ngày kể từ khi thực hiện thông báo này, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký cho tôi theo quy định của pháp luật.

Chủ phương tiện
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của đơn vị đăng thông báo:

Đã thực hiện thông báo công khai tại.....

Thời hạn thông báo là 07 ngày: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../.....

....., ngày.....tháng năm.....

Thủ trưởng đơn vị thông báo

(ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:

Bản thông báo này được lưu trong hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.

Phụ lục 21
MẪU BÁO CÁO CẤP PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ,
BIÊN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG.
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../BCXMCD.

..... ngày..... tháng.....năm.....

BÁO CÁO
CẤP PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ VÀ BIÊN SỐ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Thực hiện Thông tư số /2010/TT -BGTVT ngày.../.../.....của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp,đổi, thu hồi đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ, Sở Giao thông vận tải.....báo cáo thực hiện cấp phôi giấy chứng nhận đăng ký và biên số như sau:

I. Phôi giấy chứng nhận

1. Số lượng phôi giấy chứng nhận đăng ký có trong kỳ, tổng số:...../chiếc.
 2. Số giấy chứng nhận đăng ký đã cấp, tổng số:...../chiếc.
- Trong đó:
- Cấp mới...../chiếc, từ số..... đến số.....
 - Cấp lại...../chiếc, từ số..... đến số.....
 - Bị hỏng...../chiếc.

Số phôi giấy chứng nhận đăng ký xin cấp tiếp:...../chiếc.

II. Biên số

1. Biên số có trong kỳ:...../bộ.
- Trong đó:
- Bánh L:...../bộ (từ số..... đến số.....)
 - Bánh X:...../bộ (từ số..... đến số.....)
 - Bánh S:...../bộ (từ số..... đến số.....)
2. Số biên đã cấp:...../bộ
- Trong đó:
- Bánh L:...../bộ (từ số..... đến số.....)
 - Bánh X:...../bộ (từ số..... đến số.....)
 - Bánh S:...../bộ (từ số..... đến số.....)
3. Số biên số xin cấp:...../bộ
- Trong đó:
- Bánh L:...../bộ (từ số..... đến số.....)
 - Bánh X:...../bộ (từ số..... đến số.....)
 - Bánh S:...../bộ (từ số..... đến số.....)

Đề nghị Tổng Cục Đường bộ Việt Nam xem xét, giải quyết.

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 22
MẪU BÁO CÁO CẤP ĐĂNG KÝ BIÊN SỐ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Tên Sở GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../BCXMCD.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO
CÔNG TÁC CẤP ĐĂNG KÝ, BIÊN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

Thực hiện Thông tư số/2010/TT - BGTVT ngày.../.../.....của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, Sở Giao thông vận tải.....báo cáo kết quả thực hiện năm..... như sau:

1. Số lượng giấy chứng nhận đăng ký, biên số đã cấp:

1.1. Tổng số giấy chứng nhận đăng ký đã cấp:...../chiếc.

Trong đó: - Cấp mới:...../chiếc, từ số..... đến số.....

- Cấp lại:...../chiếc, từ số..... đến số.....

- Phôi chứng chỉ bị hỏng:

1.2. Tổng số biên số đã cấp:...../bộ.

Trong đó: Bánh lốp:...../bộ, từ số..... đến số.....

Bánh xích:...../bộ, từ số..... đến số.....

Bánh thép:...../bộ, từ số..... đến số.....

2. Xe máy chuyên dùng đóng lại số động cơ, số khung, tổng số:...../chiếc.

Trong đó: Bánh lốp:...../chiếc, từ số... đến số.....

Bánh xích:...../chiếc, từ số..... đến số.....

Bánh thép:...../chiếc, từ số đến số.....

3. Xe máy chuyên dùng di chuyển:...../chiếc

Trong đó: Di chuyển đi:...../chiếc

Di chuyển đến:...../chiếc

4. Xe máy chuyên dùng xoá số đăng ký:...../chiếc

5. Đề xuất, kiến nghị trong công tác cấp, thu hồi đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng.

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)